TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số:20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2019
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về *"tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 11, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Q tự nguyện sống chung với ông Nguyễn Ngọc T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước vào năm 2016. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại ấp 11, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm lo cho gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2018

cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà Q xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hạnh D, sinh ngày 31/01/2017. Khi ly hôn, bà Q xin được quyền nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra hiện nay bà Q không mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Trước khi kết hôn bà Q và ông T không bên nào có tài sản riêng. Tài sản chung hiện nay cũng không có.

- Về nợ: Bà Q và ông T không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2019, Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T thống nhất với bà Q về quan hệ hôn nhân, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay bà Q xin ly hôn, ông T đồng ý ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hạnh D, sinh ngày 31/01/2017. Khi ly hôn, ông T đồng ý để cho bà Q nuôi con. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do hiện đang bị tạm giam tại Công an huyện Lộc Ninh, không thể đến Tòa án làm việc được nên ông T xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Ngọc T.

+ Về con chung: Giao con tên Nguyễn Ngọc Hạnh D, sinh ngày 31/01/2017 cho bà Q nuôi dưỡng

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Bà Q có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét ông T cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 18/6/2016 của Ủy ban nhân dân xã L nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại phiên tòa ông T vắng mặt, nhưng căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2019 của Tòa án thì ông T và bà Q đều thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã phát sinh từ năm 2018 do ông T thường xuyên uống rượu say, không quan tâm đến vợ con và vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa bà Q xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu được ly hôn. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q.

[4] Về con chung: Bà Q và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hạnh D– sinh ngày: 31/01/2017 hiện đang sống với bà Q. Xét thấy cháu D hiện dưới 36 tháng tuổi và sống chung với bà Q từ khi bà Q và ông T ly thân cho đến nay. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng thống nhất giao con cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Ngọc Hạnh D, sinh ngày 31/01/2017 cho bà Q nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Q chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000138 ngày 17/4/2019.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Khánh Duyên